TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2026

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Xuân Thủy.**

2. Ông **Trần Hoài Duy.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Tạ Thị Thảo Vy** là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1979 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 07217xxxxx6, ngày cấp 10/07/2022.

Địa chỉ: Số 222, Đường TĐT, Tổ 15, khu phố LT, phường Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

***Bị đơn*:** Anh **Nguyễn Việt C**, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 072081xxxxxx4, ngày cấp 10/07/2022.

Địa chỉ: Số 222, Đường TĐT, Tổ 15, khu phố LT, phường Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/20226, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị L và anh C chung sống vợ chồng năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LTT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh) ngày 31/5/2024. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 khi chị L mang bầu đứa con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị L phát hiện anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên đi làm ăn xa, có khi đi làm bên Campuchia, có khi đi làm bên Malaysia, lâu lâu mới về nhà 01 lần, thỉnh thoảng có gửi tiền về nuôi con, vợ chồng không sống chung thời gian dài, chị L đã tha thứ cho anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2024, chị L và các con về nhà tại khu phố Hiệp Thạnh, phường Tân Ninh sống cho đến nay. Anh C có về Việt Nam thì sống tại nhà tại phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa, chị L yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 và Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018. Hiện hai con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/5/2026, bị đơn anh Nguyễn Việt C trình bày:

Anh C và chị L chung sống năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTT, huyện Hòa Thành ngày 31/5/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có cải nhau về những chuyện nhỏ nhặt. Đến năm 2017,

anh C đi làm ở Campuchia, mỗi tháng về nhà 02 ngày để thăm vợ, con. Do khoảng cách địa lý, anh C đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không còn chứ anh C không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đến năm 2025, anh C về làm việc tại ĐH, Long An, thỉnh thoảng có nhà thăm con. Nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh C không đồng ý vì anh C còn thương vợ, thương con.

Khi vợ chồng mâu thuẫn, có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được. Khi vợ chồng sống chung thì sống tại nhà do ba mẹ anh C cho ở huyện Hòa Thành. Nay anh C vẫn sống ở đó còn chị L và các con thì sống tại Số nhà 19, Hẻm 7, Đường PĐG, khu phố Hiệp Thạnh, phường Tân Ninh từ năm 2024 cho đến nay.

Đây là lần đầu tiên chị L nộp đơn ly hôn, trước khi nộp đơn chị L có báo cho anh C biết, nhưng anh C không đồng ý ly hôn, nhưng anh C không biết giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ vì thỉnh thoảng anh C ghé thăm con nhưng anh chị không nói chuyện với nhau, anh C muốn hàn gắn nhưng chị L không nói chuyện nên không hàn gắn được.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 và Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018. Cháu Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Việt C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và dự phiên toà.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng; nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Việt C được ly hôn.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 và Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018. Cháu Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản, nợ chung: Chị L, anh C trình bày không có.

+ Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim L và bị đơn anh Nguyễn Việt C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Xét về quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Kim L và bị đơn anh Nguyễn Việt C thấy rằng: Anh chị chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 31/5/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã LTT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh). Hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

[1.2]. Quá trình Tòa án giải quyết, chị L và anh C thống nhất thừa nhận từ năm 2017, anh C đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà thăm vợ con một lần nên tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2024 vợ chồng không còn sống chung

cho đến nay, đây là các tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị L thấy rằng: Trong quá trình giải quyết, Tòa án mời anh C nhiều lần đến để làm việc lấy lời khai, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa, anh C được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tòa án làm việc trực tiếp với anh C tại nhà thì anh C không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, thương con nhưng anh C không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Trước khi chị L nộp đơn ly hôn có nói cho anh C biết, anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động thực tế để hàn gắn tình cảm với chị L. Như vậy, có căn cứ khẳng định anh chị đã không còn sống chung một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 và Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018. Hiện 02 con chung đang sống với chị L, cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L khi cha mẹ không còn sống chung. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Q khi ly hôn và anh C cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của cháu Q, cần giao cháu Q cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim L đối với anh Nguyễn Việt C.

Chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Việt C.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 và Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018.

Chị Trần Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 23/7/2018.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Thị Ái L1, sinh ngày 03/3/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C trình bày không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006193 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Trần Thị Kim L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Việt C vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng